

Bản án số: 06/2019/LĐ-ST

Ngày: 09/10/2019

V/v: Tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan
đến việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-LĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp “Tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-LĐ ngày 21/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2019/QĐS-LĐ ngày 17/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Bảo K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 318/7 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH X

Trụ sở: Số 450B/13 đường D, Phường E, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương H, sinh năm 1985 (Giám đốc Công ty TNHH X)

(Đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/01/2018 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ ông Lê Bảo K trình bày:

Ông K và Công ty TNHH X (viết tắt là Công ty) có ký kết hợp đồng lao động có xác định thời hạn là 06 tháng tính kể từ ngày 3/10/2017 cho đến ngày 03/4/2018; chức vụ là giám đốc điều hành. Địa điểm làm việc là 227 G, Phường I, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động ký kết với Công ty, mức lương gồm có lương quản lý, lương trách nhiệm và phụ cấp là 7.500.000 đồng/tháng. Ngoài ra, giữa Công ty và ông K còn có thoả thuận bên ngoài một khoản tiền lương quản lý và trách nhiệm là 7.500.000 đồng/tháng. Trong hợp đồng lao động còn có quy định về mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cụ thể là:

Đối với bảo hiểm xã hội, Công ty đóng hàng tháng = 17% mức lương tham gia bảo hiểm xã hội;

Đối với bảo hiểm y tế, Công ty đóng hàng tháng = 3% mức lương tham gia bảo hiểm y tế;

Đối với bảo hiểm thất nghiệp, Công ty đóng hàng tháng = 1% mức lương tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Ông K làm việc tại Công ty TNHH X từ ngày 03/10/2017 cho đến khoảng giữa tháng 12/2017 thì Công ty có thông báo miệng là sẽ đóng cửa địa điểm G, Phường I, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi ông K làm việc để chuyển sang một địa điểm khác. Khi thông báo ngưng hoạt động, Công ty thông báo miệng với toàn bộ nhân viên của hàng là sẽ thanh toán tiền lương và bố trí lại công việc ngay khi mở cửa tại địa điểm khác. Ngoài ra, khi Công ty có kế hoạch đóng cửa tại địa điểm G, Phường I, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH X là ông Trương H có ký Biên bản xác nhận công nợ ngày 27/11/2017, theo Biên bản này thì Công ty TNHH Tập Hóa Xanh cam kết sẽ thanh toán số tiền nợ lương còn thiếu tính đến thời điểm ngày 27/11/2018 là 26.538.461 đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất đến 17 giờ 00 phút ngày 10/12/2017. Tuy nhiên, hết thời hạn thì ông H trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ dù ông K đã nhiều lần tìm gặp, gọi điện. Vì thấy Công ty TNHH X không có thiện chí giải quyết cũng như trốn trách nghĩa vụ cho nên ông K nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu những vấn đề sau:

+ Yêu cầu Công ty TNHH X thanh toán số tiền lương còn thiếu là 45.000.000 đồng, cụ thể là 7.500.000 đồng/tháng*06 tháng (tính từ 03/10/2017 cho đến 03/4/2018) = 45.000.000 đồng (Do hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng chỉ thể hiện mức lương của ông K là 7.500.000 đồng/tháng nên ông K yêu cầu Công ty trả số tiền lương còn thiếu theo mức lương trên mà không yêu cầu Công ty trả theo mức lương 15.000.000 đồng/tháng).

+ Yêu cầu Công ty TNHH X đóng cho ông K số tiền bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu được bố trí lại công việc theo đúng hợp đồng đã ký (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, ông K có sự thay đổi yêu cầu là xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH X), do đến ngày 04/4/2018, thời hạn hợp đồng lao động giữa ông K và Công ty TNHH X đã hết nên ông K không yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu này nữa. Riêng về số tiền bảo hiểm xã hội mà người lao động phải đóng, ông K đồng ý theo phán quyết của Toà. Ông K yêu cầu Công ty TNHH X thanh toán số tiền lương còn thiếu là 45.000.000 đồng làm 01 lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông K không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty TNHH X đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Lê Bảo K có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn ông K vẫn giữ các yêu cầu đã trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án, đồng thời xác định việc xin rút lại yêu cầu được bố trí lại công việc theo đúng hợp đồng đã ký (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, ông K có sự thay đổi yêu cầu là xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH X).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bảo K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty TNHH X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH X theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông Lê Bảo K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy đây là vụ án lao động tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, do bị đơn công ty TNHH X là có trụ sở tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 32, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Ông Lê Bảo K yêu cầu công ty TNHH X thanh toán số tiền lương còn thiếu là 45.000.000 đồng, cụ thể là 7.500.000 đồng/tháng*06 tháng (tính từ 03/10/2017 cho đến 03/4/2018) = 45.000.000 đồng và yêu cầu Công ty TNHH X đóng cho ông K số tiền bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cùng lời khai của nguyên đơn cung cấp, đã có đủ cơ sở xác định giữa ông K và Công ty TNHH X có ký kết Hợp đồng lao động số 01/2017-HĐLĐ và Phụ lục Hợp đồng lao động số 01/2017-PLHĐLĐ ngày 3/10/2017. Đây là loại hợp đồng có thời hạn là 06 tháng tính kể từ ngày 3/10/2017 cho đến ngày 03/4/2018; hai bên đã thỏa thuận mức lương gồm có lương quản lý, lương trách nhiệm và phụ cấp là 7.500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã không thanh toán tiền lương cho ông K. Vì vậy, yêu cầu của ông K về việc buộc công ty TNHH X thanh toán số tiền lương của 06 tháng tính từ 03/10/2017 cho đến 03/4/2018, tổng cộng là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận vì phù hợp với Điều 90, 94, 95, 96 của Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 21 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

Xét về yêu cầu Công ty TNHH X đóng cho ông K số tiền bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Công văn số 07/BHXX ngày 10/01/2019 của Bảo hiểm xã hội Quận 8 thì công ty chưa đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp cho ông K từ ngày 3/10/2017 cho đến ngày 03/4/2018, tổng cộng là 6.075.000 đồng. Do đó, yêu cầu của ông K về việc buộc Công ty TNHH X đóng cho ông K số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp với số tiền là 6.075.000đ (Sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), là có cơ sở chấp nhận vì phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 186 của Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 21 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại Điều 19 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014, ông K có trách nhiệm đóng phần bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật đối với người lao động là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 01/10/2019, ông K đã rút lại yêu cầu khởi kiện về việc được bố trí lại công việc theo đúng hợp đồng đã ký (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, ông K có sự thay đổi yêu cầu là xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH X). Xét việc rút yêu cầu của ông K là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu trên.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty TNHH X phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.532.250đ (Một triệu năm trăm ba mươi hai ngàn hai trăm năm mươi đồng). Ông K được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 22, 90, 94, 95, 96, khoản 1 Điều 186 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 19, Điều 21, khoản 3 Điều 122 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 21 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 147, 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Bảo K.

- Buộc Công ty TNHH X thanh toán cho ông Lê Bảo K số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

- Buộc công ty TNHH X đóng cho ông Lê Bảo K số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp từ ngày 3/10/2017 cho đến ngày 03/4/2018 với số tiền là 6.075.000đ (Sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Bảo K có trách nhiệm đóng phần bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật đối với người lao động là 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp công ty TNHH X chậm đóng khoản tiền bảo hiểm xã hội trên thì công ty TNHH X còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Lê Bảo K về việc được bố trí lại công việc theo đúng hợp đồng đã ký (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, ông K có sự thay đổi yêu cầu là xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH X).

3. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH X phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.532.250đ (Một triệu năm trăm ba mươi hai ngàn hai trăm năm mươi đồng). Ông K được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Lê Bảo K, Công ty TNHH X có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho ông K, Công ty TNHH X hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Ánh Minh